**DANH MỤC BIỂU MẪU CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH NỘI VỤ**

**THEO THÔNG TƯ SỐ 07/2021/TT-BNV**

*(Kèm theo Công văn số /SNV-TCCC ngày tháng 11 năm 2024 của Sở Nội vụ)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phụ lục, biểu mẫu** | **Tên Báo cáo** | **Cơ quan, đơn vị**  **thu thập, tổng hợp**  **báo cáo** | **Phòng, ban chuyên môn Sở Nội vụ nhận báo cáo** | **Kỳ báo cáo và thời gian gửi báo cáo về Sở Nội vụ** |
| 1 | Phụ lục số 1 | Báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm, năm (báo cáo) và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm (năm báo cáo), năm (liền kề) ngành Nội vụ | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các Hội được giao biên chế | Văn phòng Sở chủ trì phối hợp các Phòng, ban chuyên môn | - Báo cáo 6 tháng: trước ngày 12/6;  - Báo cáo năm: trước ngày 12/12; |
| 2 | Phụ lục IA, IB, IIA, IIB, IIIA, IIIB (theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ) | Báo cáo về vị trí việc làm và biên chế công chức | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Phòng Tổ chức-Công chức, viên chức | - Báo cáo 6 tháng: trước ngày 12/6;  - Báo cáo năm: trước ngày 12/12; |
| 3 | Phụ lục IA, IB, IIA, IIB, III, IV (theo Nghị định số 106/2020/NĐ CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ) | Báo cáo về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các Hội được giao biên chế | Phòng Tổ chức-Công chức, viên chức | - Báo cáo 6 tháng: trước ngày 12/6;  - Báo cáo năm: trước ngày 12/12; |
| 4 | Mẫu số 02 (theo Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ) | Báo cáo kết quả thực hiện nâng bậc lương đối với đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và các ngạch, chức danh tương đương ngạch chuyên viên cao cấp | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các Hội được giao biên chế; | Phòng Tổ chức-Công chức, viên chức | - Báo cáo 6 tháng: trước ngày 12/6;  - Báo cáo năm: trước ngày 12/12; |
| 5 | Mẫu số 02 (Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ) | Báo cáo kết quả thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các Hội được giao biên chế; | Phòng Tổ chức-Công chức, viên chức | - Báo cáo 6 tháng: trước ngày 12/6;  - Báo cáo năm: trước ngày 12/12; |
| 6 | Phụ lục I, II, III, IV (theo Thông tư số 06/2014/TT-BNV ngày 09/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của trường trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân) | Báo cáo hoạt động hàng năm của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các Hội được giao biên chế; | Phòng Tổ chức-Công chức, viên chức | - Báo cáo 6 tháng: trước ngày 12/6;  - Báo cáo năm: trước ngày 12/12; |
| 7 | Mẫu 2.17 phụ lục II (theo Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/ 2020 của Bộ Nội vụ) | Báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ ở địa phương | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các Hội được giao biên chế | Phòng Tổ chức-Công chức, viên chức | - Báo cáo 6 tháng: trước ngày 12/6;  - Báo cáo năm: trước ngày 12/12; |
| 8 | Mẫu 11 phụ lục II (theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ) | Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các hội ở địa phương | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các Hội được giao biên chế | Phòng Tổ chức-Công chức, viên chức | - Báo cáo 6 tháng: trước ngày 12/6;  - Báo cáo năm: trước ngày 12/12; |
| 9 | Phụ lục 4 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác chính quyền địa phương năm (năm báo cáo) và phương hướng, nhiệm vụ năm (liền kề) | UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 10 | Biểu mẫu số 4.1 | Báo cáo số lượng, chất lượng thành viên UBND các cấp | UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 11 | Biểu mẫu số 4.2 | Báo cáo số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Thừa Thiên Huế | UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 12 | Biểu mẫu số 4.3 | Báo cáo số lượng thôn, tổ dân phố và cán bộ, công chức; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố | UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 13 | Biểu mẫu số 4.4 | Báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố | UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 14 | Phụ lục 5 | Báo cáo Kết quả kết quả thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên và việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 15 | Biểu số 5.1 | Báo cáo kết quả thực hiện chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc | Các Sở, ban ngành; UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 16 | Biểu số 5.2 | Báo cáo kết quả thực hiện chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ cán bộ khoa học trẻ | Các Sở, ban ngành; UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 17 | Biểu số 5.3 | Báo cáo kết quả thực hiện chính sách thu hút, tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ | Các Sở, ban ngành; UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 18 | Biểu số 5.4 | Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện chính sách thu hút, tuyền dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ | Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 19 | Biểu số 5.5 | Báo cáo kết quả theo dõi, đánh giá, xếp loại thực hiện nhiệm vụ của sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ sau khi được tuyển dụng | Các Sở, ban ngành; UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 20 | Biểu số số 5.6 | Báo cáo kết quả giải quyết chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong | UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |
| 21 | Biểu số 5.7 | Báo cáo kết quả xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong | UBND cấp huyện | Phòng Xây dựng chính quyền & Công tác thanh niên | Báo cáo năm: trước ngày 30/11 |